VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42/2025/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường và kiểm tra về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường và kiểm tra về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư thuộc bí mật nhà nước về an ninh, cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về an ninh và kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Công an đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC VỀ AN NINH TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 3. Đối tượng, thời điểm phải thực hiện đánh giá tác động môi trường

1. Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường quy định tại Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 (sau đây viết gọn là Luật Bảo vệ môi trường) và thuộc bí mật nhà nước về an ninh theo quy định tại Quyết định số 42/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội (sau đây viết gọn là Quyết định số 42/QĐ-TTg).

2. Thời điểm đánh giá tác động môi trường được thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư. Mỗi dự án đầu tư lập một báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 4. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường, trong đó thể hiện rõ dấu chỉ độ mật hoặc có văn bản xác định độ mật của cấp có thẩm quyền.

2. Nội dung thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

a) Chủ dự án đầu tư gửi hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Cục Y tế;

b) Cục Y tế kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cục Y tế có văn bản thông báo cho chủ dự án đầu tư về việc tiếp nhận và hướng dẫn nộp phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cục Y tế có văn bản thông báo cho chủ dự án đầu tư và nêu rõ lý do không tiếp nhận; chủ dự án đầu tư hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 07 ngày.

4. Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

a) Cục Y tế thành lập hội đồng thẩm định; tổ chức họp hội đồng thẩm định trong thời hạn 03 ngày làm việc (đối với dự án đầu tư nhóm C), 05 ngày làm việc (đối với dự án đầu tư nhóm A, B) kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Hội đồng thẩm định có ít nhất 07 thành viên, gồm: 01 chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Cục Y tế; 01 thành viên thư ký; các thành viên khác là lãnh đạo, chuyên gia có chuyên môn về môi trường hoặc lĩnh vực khác có liên quan đến dự án đầu tư thuộc các đơn vị trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân. Thành viên hội đồng thẩm định phải có tài liệu thể hiện đáp ứng được các tiêu chí trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường.

Hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định. Các thành viên hội đồng thẩm định có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, viết bản nhận xét về nội dung thẩm định quy định tại khoản 7 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình và phải tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước;

c) Hội đồng thẩm định tổ chức họp khi có tối thiểu hai phần ba thành viên hội đồng tham gia dự họp;

d) Trong quá trình thẩm định, trường hợp cần làm rõ hiện trạng, thông tin dự án đầu tư phục vụ công tác thẩm định, Cục Y tế tổ chức khảo sát thực tế, lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và chuyên gia có liên quan;

đ) Cục Y tế tổng hợp và thông báo bằng văn bản ý kiến của hội đồng thẩm định, yêu cầu của Cục Y tế về những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho chủ dự án đầu tư trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng thẩm định.

5. Trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

a) Trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường được hội đồng thẩm định thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Cục Y tế kiểm tra, tổng hợp báo cáo người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này xem xét, phê duyệt trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng thẩm định;

b) Trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường được hội đồng thẩm định thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án đầu tư gửi văn bản giải trình nội dung tiếp thu, chỉnh sửa và báo cáo đánh giá tác động môi trường hoàn chỉnh được đóng dấu giáp lai về Cục Y tế trong thời hạn 05 ngày làm việc (đối với dự án đầu tư nhóm C), 10 ngày (đối với dự án đầu tư nhóm B), 15 ngày (đối với dự án đầu tư nhóm A) kể từ ngày họp hội đồng thẩm định. Cục Y tế tổng hợp báo cáo người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này xem xét, phê duyệt trong thời hạn 02 ngày làm việc (đối với dự án đầu tư nhóm C), 05 ngày làm việc (đối với dự án đầu tư nhóm A, B) kể từ ngày nhận được báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu.

c) Trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường không được người có thẩm quyền phê duyệt thì Cục Y tế thông báo bằng văn bản cho chủ dự án đầu tư và nêu rõ lý do trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của người có thẩm quyền.

6. Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường nhưng phải bảo đảm tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Công an, cụ thể:

a) Đối với dự án đầu tư nhóm A: Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường không quá 25 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ;

b) Đối với dự án đầu tư nhóm B: Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường không quá 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ;

c) Đối với dự án đầu tư nhóm C: Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường không quá 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

7. Việc gửi hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, tiếp nhận, giải quyết và thông báo kết quả được thực hiện bằng cách thức trực tiếp hoặc hệ thống giao liên trong Công an nhân dân hoặc môi trường điện tử (BCANet).

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư có tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng trở lên.

2. Cục trưởng Cục Y tế phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng.

Điều 6. Trách nhiệm của chủ dự án đầu tư

1. Thực hiện các quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết gọn là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết gọn là Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2. Đối với dự án đầu tư đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 8 Thông tư này, chủ dự án đầu tư lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường gửi về Cục Y tế theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư này để thẩm định cấp giấy phép môi trường.

Điều 7. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

2. Cục Y tế tổ chức thu phí, thực hiện kê khai và quản lý phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

Mục 2
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ THUỘC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC VỀ AN NINH TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 8. Đối tượng, thời điểm phải có giấy phép môi trường

1. Đối tượng phải có giấy phép môi trường quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường và thuộc bí mật nhà nước về an ninh theo quy định tại Quyết định số 42/QĐ-TTg.

2. Thời điểm cấp giấy phép môi trường được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 9. Thẩm định cấp giấy phép môi trường

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường, trong đó thể hiện rõ dấu chỉ độ mật hoặc có văn bản xác định độ mật của cấp có thẩm quyền.

2. Nội dung giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:

a) Chủ dự án đầu tư, cơ sở gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đến Cục Y tế để tổ chức thẩm định; thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;

b) Cục Y tế kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cục Y tế có văn bản thông báo cho chủ dự án đầu tư, cơ sở về việc tiếp nhận và hướng dẫn nộp phí thẩm định cấp giấy phép môi trường. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cục Y tế có văn bản thông báo cho chủ dự án đầu tư, cơ sở và nêu rõ lý do không tiếp nhận; chủ dự án đầu tư, cơ sở hoàn thiện hồ sơ tối đa trong thời hạn 07 ngày.

4. Tổ chức thẩm định cấp giấy phép môi trường:

a) Căn cứ trường hợp cụ thể quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Cục Y tế thành lập hội đồng thẩm định hoặc đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở; tổ chức họp hội đồng thẩm định, kiểm tra thực tế trong thời hạn 03 ngày làm việc (đối với dự án đầu tư, cơ sở nhóm C), 05 ngày làm việc (đối với dự án đầu tư, cơ sở nhóm A, B) kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

b) Hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra có ít nhất 07 thành viên, gồm: 01 chủ tịch hội đồng hoặc trưởng đoàn kiểm tra là lãnh đạo Cục Y tế; 01 thành viên thư ký; các thành viên khác là lãnh đạo, chuyên gia có chuyên môn về môi trường hoặc lĩnh vực khác có liên quan đến dự án đầu tư, cơ sở thuộc các đơn vị trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân. Thành viên hội đồng thẩm định phải có tài liệu thể hiện đáp ứng được các tiêu chí trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác theo điểm b khoản 3 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường.

Hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định, kết quả kiểm tra. Các thành viên hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, viết bản nhận xét, đánh giá về các nội dung quy định tại Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình và phải tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước;

c) Trong quá trình thẩm định, trường hợp cần làm rõ hiện trạng, thông tin dự án đầu tư, cơ sở để phục vụ công tác thẩm định, Cục Y tế lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và chuyên gia có liên quan;

d) Đối với các trường hợp phải khảo sát, kiểm tra thực tế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra tổ chức khảo sát, kiểm tra thực tế. Tùy theo quy mô, tính chất, mức độ của dự án đầu tư, chủ tịch hội đồng thẩm định phân công thành phần khảo sát thực tế;

đ) Hội đồng thẩm định tổ chức họp khi có tối thiểu hai phần ba thành viên hội đồng tham gia dự họp;

e) Cục Y tế tổng hợp và thông báo bằng văn bản ý kiến của hội đồng thẩm định, yêu cầu của Cục Y tế về những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho chủ dự án đầu tư, cơ sở trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng thẩm định.

5. Trình phê duyệt cấp giấy phép môi trường:

a) Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường được hội đồng thẩm định hoặc đoàn kiểm tra thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Y tế kiểm tra, tổng hợp báo cáo người có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Thông tư này xem xét, cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng thẩm định;

b) Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường được hội đồng thẩm định hoặc đoàn kiểm tra thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án đầu tư, cơ sở gửi văn bản giải trình nội dung tiếp thu chỉnh sửa và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường hoàn chỉnh được đóng dấu giáp lai gửi về Cục Y tế trong thời hạn 05 ngày làm việc (đối với dự án đầu tư, cơ sở nhóm C), 10 ngày (đối với dự án đầu tư, cơ sở nhóm B), 15 ngày (đối với dự án đầu tư, cơ sở nhóm A) kể từ ngày họp hội đồng thẩm định. Cục Y tế tổng hợp, báo cáo người có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Thông tư này xem xét, cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 02 ngày làm việc (đối với dự án đầu tư, cơ sở nhóm C), 05 ngày làm việc (đối với dự án đầu tư, cơ sở nhóm A, B) kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp giấy phép môi trường đã được chủ dự án đầu tư, cơ sở chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu;

c) Trường hợp giấy phép môi trường không được người có thẩm quyền phê duyệt thì Cục Y tế thông báo bằng văn bản cho chủ dự án đầu tư, cơ sở và nêu rõ lý do trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của người có thẩm quyền.

6. Thời hạn cấp giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường nhưng phải bảo đảm tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Công an, cụ thể:

a) Đối với dự án đầu tư, cơ sở nhóm A: Thời hạn thẩm định cấp giấy phép môi trường không quá 25 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ;

b) Đối với dự án đầu tư, cơ sở nhóm B: Thời hạn thẩm định cấp giấy phép môi trường không quá 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ;

c) Đối với dự án đầu tư, cơ sở nhóm C: Thời hạn thẩm định cấp giấy phép môi trường không quá 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

7. Việc gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, tiếp nhận, giải quyết và thông báo kết quả được thực hiện bằng cách thức trực tiếp hoặc hệ thống giao liên trong Công an nhân dân hoặc môi trường điện tử (BCANet).

Điều 10. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường

1. Chủ dự án đầu tư, cơ sở tổ chức vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

2. Cục Y tế thực hiện trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt cấp giấy phép môi trường

1. Bộ trưởng Bộ Công an cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở có tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng trở lên.

2. Cục trưởng Cục Y tế cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng.

Điều 12. Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường

1. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện.

2. Cục Y tế tổ chức thu phí, thực hiện kê khai và quản lý phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

Mục 3
KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 13. Thẩm quyền quyết định kiểm tra

Thẩm quyền quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 163 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được quy định như sau:

1. Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

2. Cục trưởng Cục Y tế quyết định thành lập và tổ chức đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

Điều 14. Hình thức, phương pháp, nội dung, thời gian kiểm tra

1. Hình thức kiểm tra:

a) Kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường theo kế hoạch đã được người có thẩm quyền quy định tại Điều 13 Thông tư này phê duyệt;

b) Kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Phương pháp kiểm tra: Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra trực tiếp tại trụ sở của đối tượng kiểm tra, tại địa điểm có liên quan đến công tác môi trường; đại diện đối tượng kiểm tra báo cáo chi tiết về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra và kiến nghị, đề xuất. Thành viên đoàn kiểm tra căn cứ nội dung kiểm tra đề nghị đối tượng kiểm tra cung cấp hồ sơ, tài liệu và báo cáo, giải trình làm rõ. Căn cứ kết quả làm việc, đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra, trao đổi, hướng dẫn đối tượng kiểm tra khắc phục những tồn tại, vướng mắc về công tác bảo vệ môi trường hoặc đề xuất với lãnh đạo cấp trên hướng dẫn, chỉ đạo.

3. Nội dung kiểm tra:

Tùy theo yêu cầu, tính chất cuộc kiểm tra, người có thẩm quyền quyết định kiểm tra toàn bộ hay một trong các nội dung sau đây:

a) Công tác phổ biến, quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; các văn bản hướng dẫn, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đầu tư của Bộ Công an về công tác bảo vệ môi trường;

b) Công tác xây dựng kế hoạch, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo phân cấp ngân sách hiện hành; quản lý, sử dụng các công trình xử lý ô nhiễm, các biện pháp bảo vệ môi trường; thực trạng hoạt động của các phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật có thể gây ảnh hưởng, tác động xấu đến môi trường; các trang thiết bị bảo hộ lao động, công cụ, biện pháp, công trình phòng, chống rủi ro, sự cố thiên tai, sự cố môi trường;

c) Kết quả thực hiện kết luận của kỳ kiểm tra trước; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường (nếu có);

d) Việc tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục môi trường, nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường; việc cung cấp thông tin, cập nhật dữ liệu về công tác bảo vệ môi trường lên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường của Bộ Công an; việc thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất;

đ) Việc chấp hành các quy định về quản lý chất thải; kiểm soát ô nhiễm; cải tạo, phục hồi môi trường; bảo vệ rừng và đa dạng sinh học; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; kiểm kê khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

e) Việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thời gian kiểm tra thực hiện theo quy định tại khoản 54 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

Điều 15. Trình tự, thủ tục kiểm tra

1. Ban hành quyết định kiểm tra và thành lập đoàn kiểm tra:

a) Người có thẩm quyền quy định tại Điều 13 Thông tư này ban hành quyết định kiểm tra và thành lập đoàn kiểm tra;

b) Thành phần đoàn kiểm tra gồm: 01 trưởng đoàn là lãnh đạo Cục Y tế; 01 phó trưởng đoàn; 01 thành viên thư ký; thành viên khác là đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Thành viên đoàn kiểm tra phải có chuyên môn về môi trường hoặc lĩnh vực khác có liên quan đến nội dung kiểm tra và phải tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Công bố quyết định kiểm tra:

Quyết định kiểm tra phải được gửi cho đối tượng kiểm tra chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành (trừ trường hợp kiểm tra đột xuất). Trưởng đoàn kiểm tra phải tiến hành kiểm tra trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định kiểm tra.

Trưởng đoàn kiểm tra công bố quyết định kiểm tra, thông báo chương trình kiểm tra tại trụ sở của đối tượng kiểm tra.

3. Tổ chức kiểm tra:

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra hồ sơ, tài liệu và kiểm tra thực tế. Kết quả kiểm tra phải được lập thành biên bản. Biên bản kiểm tra phải ghi nhận toàn bộ kết quả của đoàn kiểm tra và các ý kiến giải trình, kiến nghị, đề xuất của đối tượng kiểm tra. Dự thảo biên bản kiểm tra phải được gửi đến từng thành viên đoàn kiểm tra và đối tượng kiểm tra tham gia ý kiến. Biên bản kiểm tra phải có đầy đủ chữ ký của trưởng đoàn kiểm tra, thủ trưởng đơn vị của đối tượng kiểm tra hoặc người được ủy quyền và thư ký đoàn kiểm tra. Biên bản kiểm tra được lập thành 02 bản, đoàn kiểm tra lưu hồ sơ 01 bản, đối tượng kiểm tra giữ một bản.

Quá trình kiểm tra, nếu xét thấy cần thiết, trưởng đoàn kiểm tra đề xuất cấp có thẩm quyền trưng cầu phân tích, kiểm định mẫu môi trường.

4. Báo cáo kết quả kiểm tra và thông báo kết quả kiểm tra:

Chậm nhất 15 ngày sau khi kết thúc cuộc kiểm tra và có kết quả phân tích, kiểm định mẫu môi trường (nếu có), trưởng đoàn kiểm tra duyệt ký báo cáo kết quả kiểm tra và dự thảo thông báo kết quả kiểm tra gửi cấp có thẩm quyền phê duyệt. Dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra phải được lấy ý kiến tham gia của tất cả các thành viên đoàn kiểm tra và đối tượng kiểm tra.

Ngay sau khi có ý kiến phê duyệt của cấp có thẩm quyền, trưởng đoàn kiểm tra gửi thông báo kết quả kiểm tra đến đối tượng kiểm tra. Thông báo kết quả kiểm tra được gửi báo cáo lãnh đạo Bộ Công an, người ra quyết định kiểm tra, thủ trưởng cấp trên của đơn vị kiểm tra.

Trường hợp đối tượng kiểm tra có vi phạm đến mức cần xử lý, trưởng đoàn kiểm tra báo cáo cấp có thẩm quyền để chuyển đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

5. Thực hiện thông báo kết quả kiểm tra: Đối tượng kiểm tra phải thực hiện nghiêm túc thông báo kết quả kiểm tra, định kỳ báo cáo kết quả khắc phục tồn tại, hạn chế (nếu có), báo cáo kết quả thực hiện với Cục Y tế để tập hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ Công an.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên đoàn kiểm tra

1. Trách nhiệm và quyền hạn của thành viên đoàn kiểm tra:

a) Chấp hành các quy định của pháp luật, quy định của Bộ Công an về kiểm tra, thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch và chương trình kiểm tra được phê duyệt;

b) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu được cung cấp phục vụ hoạt động kiểm tra;

c) Yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo, giải trình liên quan đến nội dung kiểm tra;

d) Quản lý các tài liệu được cung cấp theo quy định của pháp luật và bàn giao lại khi có yêu cầu của cơ quan thực hiện việc kiểm tra sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

đ) Trong quá trình tổ chức kiểm tra, nếu phát hiện những vấn đề bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường của đối tượng kiểm tra vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình, phải kịp thời báo cáo, tham mưu với cấp có thẩm quyền để giải quyết, khắc phục.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của trưởng đoàn kiểm tra:

Ngoài trách nhiệm và quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này, trưởng đoàn kiểm tra còn có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Chủ trì, điều hành và chịu trách nhiệm chung về các hoạt động của đoàn kiểm tra;

b) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn kiểm tra;

c) Chỉ đạo lập và duyệt, ký biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra với người ra quyết định kiểm tra, chỉ đạo lập hồ sơ kết thúc kiểm tra.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của phó trưởng đoàn kiểm tra: Phó trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm và quyền hạn của thành viên đoàn kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều này và của trưởng đoàn kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp được trưởng đoàn kiểm tra ủy quyền.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của thư ký đoàn kiểm tra:

Ngoài trách nhiệm và quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này, thư ký đoàn kiểm tra còn có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Tập hợp, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu cho các thành viên đoàn kiểm tra phục vụ hoạt động kiểm tra;

b) Thông báo cho đối tượng kiểm tra, các thành viên đoàn kiểm tra và các tổ chức, cá nhân có liên quan về chương trình, kế hoạch kiểm tra;

c) Tổng hợp kết quả, lập biên bản kiểm tra phản ánh đầy đủ, trung thực nội dung kiểm tra;

d) Xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra;

đ) Lập, lưu trữ, quản lý hồ sơ cuộc kiểm tra theo quy định;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do trưởng đoàn phân công.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền hạn của đối tượng kiểm tra

1. Trách nhiệm của đối tượng kiểm tra:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo bằng văn bản gửi cho đoàn kiểm tra trước thời điểm kiểm tra ít nhất 05 ngày làm việc. Trường hợp kiểm tra đột xuất không nhất thiết phải chuẩn bị báo cáo bằng văn bản;

b) Xuất trình hồ sơ, tài liệu và báo cáo giải trình những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra theo yêu cầu của đoàn kiểm tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu, báo cáo đã cung cấp;

c) Bố trí cán bộ và chuẩn bị các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của đoàn kiểm tra;

d) Tuân thủ, thực hiện thông báo kết quả kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Quyền hạn của đối tượng kiểm tra:

a) Có quyền đề nghị trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra làm rõ những vấn đề còn chưa thống nhất trong quá trình tiến hành kiểm tra và nội dung biên bản kiểm tra, thông báo kết luận kiểm tra;

b) Có quyền khiếu nại về kết quả kiểm tra, kết luận kiểm tra, tố cáo về các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động kiểm tra.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2025 và thay thế Thông tư số 69/2020/TT-BCA ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

2. Bãi bỏ Quyết định số 2044/2006/QĐ-BCA(E11) ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới thì nội dung dẫn chiếu được thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Y tế có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thi hành Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Y tế) để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang